

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-ST

Ngày: 24-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản và giao dịch hui.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Nông Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và giao dịch hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bạch Kim D, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp P B, xã P B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lâm Thị Mai H, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp P B, xã P B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp P A, xã P B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt;

3.2. Bà Văn Thị Hoài P, sinh năm 1975; vắng mặt;

3.3. Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1973; có mặt;

3.4. Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1964; vắng mặt;

3.5. Bà Nguyễn Thị Hạnh N, sinh năm 1973; vắng mặt;

- 3.6. Chị Thái Thị Đ, sinh năm 1979; vắng mặt;
  - 3.7. Chị Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1981; có mặt;
  - 3.8. Bà Nguyễn Thị Thúy P1, sinh năm 1968; có mặt;
  - 3.9. Bà Lê Thị Bạch T2, sinh năm 1969; vắng mặt;
  - 3.10. Bà Nguyễn Kim N2, sinh năm 1967; vắng mặt;
  - 3.11. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1966; vắng mặt;
  - 3.12. Chị Nguyễn Thị Kim N3, sinh năm 1981; vắng mặt;
  - 3.13. Bà Hồ Thị Đ1, sinh năm 1969; vắng mặt;
  - 3.14. Chị Bùi Thị M1, sinh năm 1992; có mặt;
  - 3.15. Bà Thái Thị C, sinh năm 1969; vắng mặt;
  - 3.16. Chị Nguyễn Thị Cà N4, sinh năm 1978; vắng mặt;
  - 3.17. Chị Lê Thị Bích D1, sinh năm 1980; vắng mặt;
  - 3.18. Bà Dương Thị T4, sinh năm 1965; vắng mặt;
  - 3.19. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1958; vắng mặt;
  - 3.20. Bà Nguyễn Thị N5, sinh năm 1973; có mặt;
  - 3.21. Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1986; vắng mặt;
  - 3.22. Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1985; vắng mặt.
  - 3.23. Chị Lê Thị Ái L, sinh năm 1978; có mặt;
  - 3.24. Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1969; có mặt.
- Tất cả cùng địa chỉ: ấp P B, xã P B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Bạch Kim D, trình bày:

Bà không có bà con gì với chị H. Chị H có tham gia hội do bà làm chủ, 06 phần hội (trong 04 dây hội), gồm:

1. Dây hội tháng 2.000.000đ, gồm 25 phần, chị H tham gia 02 phần, hội mở ngày 28/01/2016. Phần 1: Chị H lĩnh hội kỳ thứ 3, đưa ra mức lãi 500.000đ vào ngày 28/3/2016, chị H lĩnh hội được số tiền 37.000.000đ, trừ tiền cò (H hồng) còn lại 36.200.000đ, chị H đóng hội chết đến ngày 28/8/2017 được 34.000.000đ thì ngưng, nên còn nợ đến ngày mãi (góp hội thay đến ngày chấm dứt dây hội) 28/01/2018 là 05 tháng với số tiền 2.000.000đ x 5 = 10.000.000đ. Phần 2: chị H lĩnh hội kỳ thứ 9 đưa ra mức lãi 420.000đ vào ngày 28/9/2016, chị H lĩnh hội được số tiền 41.280.000đ, trừ tiền cò 800.000đ còn lại 40.480.000đ. Chị H đóng hội chết đến ngày 28/8/2017 được 22.000.000đ thì ngưng, nên còn nợ hội đến ngày

mãn 28/01/2018 là 05 tháng với số tiền  $2.000.000đ \times 5 = 10.000.000đ$ . Dây hụi này bà đóng thay chị H 20.000.000đ.

2. Dây hụi tháng 1.000.000đ gồm 28 phần, mở ngày 12/4/2016, chị H tham gia 01 phần. Chị H lĩnh hụi kỳ thứ nhất đưa ra mức lãi là 280.000đ, lĩnh hụi được số tiền 19.440.000đ, trừ cò 400.000đ còn lại 19.040.000đ. Chị H đóng hụi chết đến ngày 12/9/2017 được 17.000.000đ thì ngưng, nên còn nợ hụi đến ngày mãn 12/7/2018 là 10 tháng với số tiền  $1.000.000đ \times 10 = 10.000.000đ$ .

3. Dây hụi tháng 1.000.000đ gồm có 30 phần, bắt đầu mở hụi ngày 16/9/2016. Chị H tham gia 02 phần: Phần thứ nhất, chị H lĩnh hụi kỳ thứ 3, đưa ra mức lãi 300.000đ, lĩnh hụi được số tiền 20.900.000đ, trừ cò 400.000đ còn lại 20.500.000đ, chị H đóng hụi chết đến ngày 16/9/2017 được số tiền 10.000.000đ thì ngưng, nên còn nợ hụi đến ngày mãn 16/02/2019 là 17 tháng với số tiền là  $1.000.000đ \times 17 = 17.000.000đ$ . Phần thứ 2, chị H lĩnh hụi kỳ thứ 9, đưa ra mức lãi 180.000đ, lĩnh hụi được số tiền 25.220.000đ, trừ cò 400.000đ còn lại 24.820.000đ, chị H đóng hụi chết đến ngày 16/9/2017 được số tiền 10.000.000đ thì ngưng, nên còn nợ hụi đến ngày mãn 16/02/2019 là 17 tháng với số tiền  $1.000.000đ \times 17 = 17.000.000đ$ . Dây hụi này bà góp thay cho chị H 34.000.000đ.

4. Dây hụi 500.000đ, nửa tháng mở 01 lần, có 28 phần, bắt đầu mở hụi ngày 02/9/2017. Chị H lĩnh hụi kỳ thứ hai, đưa ra mức lãi 80.000đ, lĩnh hụi được số tiền 11.420.000đ, trừ cò 200.000đ còn lại 11.220.000đ. Chị H đóng hụi chết được 02 lần với số tiền 1.000.000đ thì ngưng đóng, còn nợ hụi đến ngày mãn 17/10/2018, số tiền là 12.000.000đ.

Tổng cộng số tiền hụi chị H nợ bà là: 76.000.000đ. Không có lần nào chị H tự đi bìa hụi (dự kỳ mở hụi), chị H chỉ gọi điện cho bà. Có hai lần bìa hụi của dây hụi ngày 28/01/2016 thì chị H nhờ chị Bùi Thị M1, chị Lê Thị Ái L đi bìa hụi giúp. Những lần bà giao hụi (tiền lĩnh hụi) cho chị H thì bà có ghi giấy và đưa cho chị H giữ. Giao hụi lại quây thuộc tây của chị H, nhà bà, có lần có chị Bùi Thị M1 chứng kiến bà giao tiền hụi lĩnh được cho chị H (dây hụi 28/01/2016).

Chị H có vay tiền của bà nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 16/5/2016, chị H vay số tiền gốc 40.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng, chị H không trả gốc. Chị H có đóng lãi 5 lần được 9.000.000đ. Vay tiền không làm giấy tờ, nhưng đóng lãi có ghi vào sổ.

- Ngày 10/9/2016, chị H vay số tiền 15.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng, chị H không trả gốc. Đóng lãi được 03 lần được 2.250.000đ. Vay tiền không làm giấy tờ, nhưng đóng lãi có ghi vào sổ.

- Ngày 16/7/2017, chị H vay 27.000.000đ, trả góp mỗi ngày 600.000đ, thời gian góp 50 ngày = 30.000.000đ, chị H không góp ngày nào.

- Ngày 07/9/2017, chị H vay 9.000.000đ, trả góp mỗi ngày 200.000đ, thời gian góp 50 ngày = 10.000.000đ, chị H góp được 05 ngày = 1.000.000đ, nên còn nợ 9.000.000đ.

- Ngày 22/8/2017, chị H vay 2.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, chị H không trả gốc. Ngày 22/9/2017 đóng lãi được 100.000đ. Vay tiền không làm giấy tờ, nhưng đóng lãi có ghi vào sổ.

Tổng cộng số tiền vay gốc chị H nợ bà: 96.000.000đ.

Tháng 9 năm 2017, chị H vỡ nợ. Hai bên gặp nhau kết nợ lại là chị H nợ bà 172.000.000đ. Hai bên thỏa thuận trả mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ. Việc kết sổ và thỏa thuận trả nợ không làm giấy tờ, có người chứng kiến là em chồng bà là Nguyễn Thị N5.

Từ khi chốt nợ chị H trả cho bà được số tiền 5.500.000đ, gồm 04 lần, không nhớ cụ thể mỗi lần trả bao nhiêu, thời gian trả, chỉ nhớ bắt đầu trả từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 11 năm 2017.

Ngày 19 tháng 12 năm 2018 âm lịch, chị Nguyễn Thị Kiều O, là em chồng chị H, nhờ người tên Phần (không rõ họ tên, năm sinh), kêu bà đến nhà chị O và đem theo các giấy hui để chốt lại số nợ chị H còn nợ bà. Sau đó, bà cùng bà N5 đến nhà chị O. Lúc đó, có mặt bà, chị O, chị H và bà N5. Hai bên chốt nợ, chị H còn nợ bà 166.500.000đ, chị H xin cho trả 90.000.000đ nhưng bà không thống nhất. Bà yêu cầu chị H trả 100.000.000đ coi như dứt nợ thì chị H không đồng ý nên chị O nói là gia đình đồng ý trả cho bà 100.000.000đ. Hai ngày sau, chị H nhờ bà Phần nói với bà là chị H đồng ý trả cho bà 40.000.000đ coi như dứt nợ.

Bà xác định tập tin âm thanh mà bà giao nộp cho Tòa án có giọng nói của chị H thừa nhận số tiền 91.000.000đ, trong đó, tiền hui là 76.000.000đ, tiền vay là 15.000.000đ, tính tròn là 90.000.000đ, nếu chị H không thừa nhận thì bà yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định âm thanh.

Bà yêu cầu chị Lâm Thị Mai H trả cho bà số tiền hui còn nợ 74.500.000đ và tiền vay còn nợ 92.000.000đ, tổng cộng là 166.500.000đ (Một trăm, sáu mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, bà trình bày lại số tiền hui là 76.000.000đ, tiền vay là 91.000.000đ. Bà chỉ yêu cầu chị H trả nợ chứ không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng S là chồng chị H cùng trả nợ, vì bà chỉ ghi tên anh S trong danh sách hui chứ mọi giao dịch đều do chị H thỏa thuận với bà.

Bị đơn, chị Lâm Thị Mai H trình bày: Chị không có bà con với bà D, chỉ là hàng xóm. Bà D có đến mua thuốc và mỹ phẩm của chị. Trước khi bà D kiện chị thì giữa chị và bà D không có mâu thuẫn. Chị chưa từng tham gia hui do bà D làm chủ, nên không có đi bia hui, lĩnh hui. Chị chưa từng vay tiền của bà D. Việc bà D trình bày là giữa chị, bà D, chị O, bà N5 gặp nhau để chốt lại số nợ mà chị nợ bà D là không có thật. Còn giữa bà D, chị O có gặp nhau thỏa thuận như thế nào thì đó chuyện của bà D, chị O chị không hay biết. Chị chưa có lần nào trả nợ cho bà D, chưa từng hứa trả cho bà D 100.000.000đ hay là 40.000.000đ. Chị không quen biết bà Nguyễn Thị N5. Chị chưa từng nhờ bà Phần nói lại với bà D là chị đồng ý trả bà D 40.000.000đ. Chị xác định âm thanh trong tập tin mà bà D giao

nộp cho Tòa án mở cho chị nghe không phải là giọng nói của chị, chỉ nghe tiếng cữ cãi chứ không nghe ai thừa nhận nợ. Chị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, vì không có nợ bà D. Chị yêu cầu nếu bà D xuất trình được giấy tờ chị nhận nợ thì chị chấp nhận trả nợ. Chị không đồng ý cung cấp giọng nói để giám định vì chị không có nghĩa vụ đó.

Người làm chứng, bà Nguyễn Thị N5, trình bày: Bà là em chồng bà D, không có bà con với chị Mai H, không có mâu thuẫn gì với hai bên. Bà có tham gia chơi hội do bà D làm chủ, không nhớ hội mở lần đầu ngày nào. Bà tham gia nhiều dây hội, có dây đã mãn có dây chưa, nhưng 06 dây hội mà bà D kiện chị H đòi tiền hội thì đã mãn lâu rồi, bà đã lĩnh hội rồi, không nhớ lĩnh hội lần thứ mấy, được bao nhiêu tiền, mức lãi đưa ra để được lĩnh hội là bao nhiêu. Chị Lâm Thị Mai H có tham gia hội do bà D làm chủ, không nhớ hội mở ngày tháng năm nào, đã lĩnh hội chưa, lĩnh hội lần thứ mấy, được bao nhiêu tiền, mức lãi đưa ra để được lĩnh hội là bao nhiêu. Do tham gia hội chung nên bà biết, hiện tại chị H còn nợ bà D. Chị H có vay tiền của bà D, số tiền gốc, lãi bao nhiêu không biết vì bà và bà D là chị em, bà mượn nhà bà D để bán đồ tạp hóa nên biết. Có lần, bà chứng kiến bà D giao tiền hội cho chị H. Đó là dây hội nửa tháng 500.000đ, mở lần đầu ngày nào không nhớ, giao số tiền bao nhiêu không biết rõ, chỉ biết khoảng mười triệu mấy trăm nghìn đồng. Chị H lĩnh lần thứ mấy, lãi bao nhiêu cũng không nhớ. Lúc đó, chị H đang tham gia dây hội này nhưng bị vỡ nợ nên gọi điện thoại cho bà, nhờ năn nỉ bà D cho chị H lĩnh hội để mua thuốc về bán nên bà D mới cho lĩnh hội. Không nhớ ngày tháng, chỉ nhớ còn 10 ngày nữa là đến Tết Nguyên đán năm 2017, thì bà và bà D đến gặp chị H tại Tiệm thuốc tây của chị Kiều O. Đến đó, có chị O và chị H. Hai bên chốt nợ thì bà D nói chị H nợ bà D tiền vay, tiền hội tổng cộng 162.500.000 đồng. Bà khuyên hai bên là cho chị H trả 110.000.000đ, số nợ còn lại bỏ hết, nhưng chị O thống nhất số nợ 100.000.000đ và hứa cùng trả với chị H, còn chị H thì chỉ thống nhất trả 90.000.000đ. Cuối cùng, hai bên chốt lại chị H thống nhất trả cho bà D số nợ 100.000.000đ, bao gồm tiền vay, tiền hội. Sau đó hai ngày, chị H nhờ bà Phan nhắn cho bà là cho chị H trả cho bà D 40.000.000đ. Thấy chị H nói ngang nên bà D không gặp nữa mà gửi đơn đến Tòa án. Trước kia, bà nghe bà D kể lại là chị H có hứa trả mỗi tháng 5.000.000đ, nhưng chỉ trả được 01 tháng thì không trả nữa. Sự việc này trước khi bà, bà D gặp chị O, chị H.

Người làm chứng chị Bùi Thị M1, trình bày: Chị không có bà con hay mâu thuẫn gì với bà D, chị H. Chị có tham gia dây hội tháng 2.000.000đ mở lần đầu ngày 28/01/2016 do bà D làm chủ, tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội là “Thầy Thế”. Dây hội này chị lĩnh hội rồi, được số tiền khoảng ba mươi mấy triệu đồng, đưa ra mức lãi khoảng 450.000đ – 500.000đ, còn các dây hội còn lại mà bà D kiện chị H thì chị không nhớ cụ thể tham gia dây hội nào. Chị H có tham gia dây hội tháng 2.000.000đ, mở lần đầu ngày 28/01/2016, do bà D làm chủ, do lúc tham gia hội bà D có đưa danh sách hội, trong danh sách hội có tên chị H là “Mai H thuốc tây”. Ngoài ra, chị H còn tham gia dây hội 500.000đ nhưng không biết

ngày mở hội. Quá trình tham gia, lĩnh hội ra sao chị không biết. Theo chị, chị H còn nợ tiền vay, tiền hội bà D vì nhà chị đổi diện tiệm thuốc tây của chị H nên thấy hai bên thường cự cãi qua lại về việc chị H nợ tiền mà không trả. Hàng ngày, chị thường thấy bà D ghé tiệm thuốc của chị H để thu tiền hội, nhưng thu bao nhiêu không rõ. Có một lần chị và chị H cùng đi bia hội chung nhưng không nhớ là đây hội mở ngày nào. Có lần bà D mở cho chị nghe file ghi âm giọng nói chị H thừa nhận có nợ bà D. Bà D còn kể khi chị H khó khăn kinh tế chính cha ruột chị H năn nỉ bà D cho chị H lĩnh một phần hội.

Người làm chứng anh Nguyễn Thanh T, trình bày: Anh không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Anh có tham gia đây hội nửa tháng 500.000đ, mở lần đầu ngày 02/9/2017 do bà D làm chủ, tham gia 01 phần. Đã lĩnh hội rồi, lĩnh lần thứ 2, được mười triệu đồng, đưa ra mức lãi là 80.000đ. Chị H có tham gia đây hội này, trong danh sách hội có tên chị H. Chị H là người lĩnh hội đầu tiên, anh biết được vì anh dự định lĩnh hội thì bà D nói chị H đã lĩnh hội đầu tiên rồi nên lần mở hội thứ hai anh mới được lĩnh. Chị H lĩnh được bao nhiêu tiền, lãi bao nhiêu anh không biết. Anh thường thấy bà D ghé tiệm thuốc của chị H để gom tiền hội còn cụ thể thì không rõ. Chị H có còn nợ tiền vay, tiền hội của bà D không anh cũng không biết.

Người làm chứng bà Thái Thị C, trình bày: Bà không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Bà có tham gia đây hội tháng 1.000.000đ, mở lần đầu ngày 16/9/2016, do bà D làm chủ, tham gia 01 phần. Đã lĩnh hội rồi, nhưng lĩnh lần thứ mấy, lãi bao nhiêu, được bao nhiêu tiền đều không nhớ. Bà D có từng đưa danh sách hội cho bà nhưng bà không còn giữ. Chị Mai H có tham gia đây hội tháng 1.000.000đ mở lần đầu ngày 16/9/2016 vì trong danh sách hội có tên của chị Mai H, nhưng quá trình tham gia, lĩnh hội ra sao thì không biết. Chị H còn nợ tiền vay, tiền hội của bà D không bà cũng không biết. Khi đi bia hội bà chỉ điện thoại cho bà D chứ không gặp trực tiếp, các hội viên cũng không tập trung cùng đi bia.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Hạnh N, trình bày: Không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Có tham gia hội do bà D làm chủ gồm đây hội tháng 2.000.000đ, mở lần đầu ngày ngày 28/01/2016; 02 đây hội tháng 1.000.000đ, mở lần đầu vào các ngày 12/4/2016 và 16/9/2016. Đã lĩnh hội rồi, nhưng lĩnh lần thứ mấy, lãi bao nhiêu, được bao nhiêu tiền đều không nhớ. Chị biết chị H có tham gia hội do bà D làm chủ vì thấy tên chị H trong danh sách đây hội 28/01/2016, 12/4/2016, 16/9/2016. Còn quá trình tham gia, lĩnh hội ra sao thì không biết. Chị H có còn nợ tiền vay, tiền hội của bà D không cũng không rõ, chỉ nghe người khác kể lại là có nợ.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Kim T1, trình bày: Chị không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Chị có từng tham gia hội do bà D làm chủ. Đã lĩnh hội rồi, nhưng lĩnh lần thứ mấy, lãi bao nhiêu, được bao nhiêu tiền đều không nhớ. Chị biết chị H có tham gia hội do bà D làm chủ vì có thấy tên chị H trong

danh sách hội, 01 dây hội tháng 1.000.000đ, nhưng không nhớ ngày mở hội. Chị H lĩnh hội đầu tiên đưa ra mức lãi là 280.000đ. Dây hội 500.000đ, mở lần đầu ngày 02/9/2017, thì chị H cũng có tham gia và lĩnh rồi, đưa ra mức lãi là 80.000đ, còn lĩnh được bao nhiêu tiền thì không rõ. Việc bà D giao tiền hội cũng như góp hội thì chị không nhìn thấy. Chị nghe bà D kể là chị H có nợ tiền bà D, còn nợ bao nhiêu không rõ.

Người làm chứng bà Lê Thị Bạch T2, trình bày: Bà không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Có tham gia hội do bà D làm chủ gồm dây hội tháng 1.000.000đ mở lần đầu vào các ngày 16/9/2016, ngày 12/4/2016. Đã lĩnh hội rồi, nhưng lĩnh lần thứ mấy, lãi bao nhiêu, được bao nhiêu tiền đều không nhớ. Bà biết chị H có tham gia hội do bà D làm chủ vì có thấy tên chị H trong danh sách dây hội 12/4/2016, 16/9/2016. Còn quá trình tham gia, lĩnh hội ra sao thì không biết. Chị H có còn nợ tiền vay, tiền hội của bà D không cũng không biết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thúy P1, trình bày: Bà không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Bà có tham gia hội do bà D làm chủ gồm dây hội tháng 1.000.000đ mở lần đầu ngày 16/9/2016, đã lĩnh hội rồi, nhưng lĩnh lần thứ mấy, lãi bao nhiêu, được bao nhiêu tiền đều không nhớ. Bà biết chị H có tham gia hội do bà D làm chủ vì có thấy tên chị H trong danh sách dây hội 16/9/2016, chị H lĩnh hội đầu tiên đưa ra mức lãi là 280.000đ, lĩnh bao nhiêu tiền bà không nhớ do khi mở dây hội này bà D đi gom hội nói cho bà nghe. Chị H có còn nợ tiền vay, tiền hội của bà D không cũng không rõ, chỉ nghe người khác kể lại là có nợ.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim Q, trình bày: Bà không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Bà có tham gia hội do bà D làm chủ gồm dây hội tháng 2.000.000đ, mở lần đầu ngày 28/01/2016; Dây hội tháng 1.000.000đ mở lần đầu ngày 16/9/2016, đã lĩnh hội rồi, nhưng lĩnh lần thứ mấy, lãi bao nhiêu, được bao nhiêu tiền đều không nhớ. Bà biết chị H có tham gia hội do bà D làm chủ vì có thấy tên chị H trong danh sách hội và nghe bà D, các hội viên nói chuyện với nhau. Dây hội ngày 28/01/2016, thì chị H lĩnh hội thứ 3, đưa ra mức lãi là 450.000đ; Dây hội ngày 16/9/2016, chị H lĩnh hội thứ 9, đưa ra mức lãi là 180.000đ, lĩnh bao nhiêu tiền bà không nhớ. Chị H có còn nợ tiền vay, tiền hội của bà D không thì không biết.

Những người làm chứng chị Thái Thị Đ, bà Nguyễn Ngọc M cùng có ý kiến trình bày: Không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Có tham gia hội do bà D làm chủ nhưng không nhớ dây hội mở lần đầu ngày nào, lĩnh lần thứ mấy, lãi bao nhiêu, được bao nhiêu tiền đều không nhớ. Trong danh sách tham gia hội có tên của chị H nên biết chị H có tham gia hội của bà D còn quá trình tham gia, lĩnh hội ra sao thì không biết. Chị H còn nợ tiền vay, tiền hội của bà D không cũng không biết.

Những người làm chứng bà Lê Thị Bích D1, bà Hồ Thị Đ1, cùng có ý kiến trình bày: Không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Có tham gia dây hội tháng 2.000.000đ mở lần đầu ngày 28/01/2016. Không nhớ cụ thể lĩnh hội lần

thứ mấy, lãi bao nhiêu, được bao nhiêu tiền. Chị H có tham gia dây hụi này do trong danh sách hụi có tên chị H, còn quá trình chị H tham gia, lĩnh hụi ra sao thì không biết. Chị H có còn nợ tiền vay, tiền hụi của bà D không cũng không biết.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Cà N4, có ý kiến trình bày: Chị không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Dây hụi tháng 1.000.000đ mở lần đầu ngày 12/4/2016 và dây hụi tháng 1.000.000đ mở lần đầu ngày 16/9/2016 do bà D làm chủ chị có tham gia mỗi dây 01 phần. Đã lĩnh hụi rồi, nhưng lĩnh lần thứ mấy, lãi bao nhiêu, được bao nhiêu tiền đều không nhớ. Hai dây hụi này bà D có đưa danh sách những người tham gia nhưng hiện đã thất lạc, không nhớ có tên chị Mai H trong danh sách hay không. Chị nghe người khác kể lại (không nhớ là ai) thì chị H có tham gia hụi do bà D làm chủ nhưng cụ thể ra sao không rõ. Chị H có nợ tiền vay, tiền hụi của bà D không chị cũng không biết.

Người làm chứng bà Phạm Thị H1, trình bày: Bà không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Bà chỉ tham gia nửa phần trong dây hụi tháng 1.000.000đ, mở lần đầu ngày 16/9/2016, do bà D làm chủ. Đã lĩnh hụi rồi, nhưng lĩnh lần thứ mấy, lãi bao nhiêu, được bao nhiêu tiền đều không nhớ. Không biết chị H có tham gia chơi hụi của bà D không, cũng không biết chị H có nợ tiền hụi, tiền vay của bà D không.

Những người làm chứng bà Văn Thị Hoài P, bà Nguyễn Kim N2, bà Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị Kim N3, bà Dương Thị T4, cùng có ý kiến trình bày: Không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Có tham gia hụi do bà D làm chủ nhưng không nhớ dây hụi mở lần đầu ngày nào, lĩnh lần thứ mấy, lãi bao nhiêu, được bao nhiêu tiền đều không nhớ. Không biết chị H có tham gia chơi hụi của bà D không, cũng không biết chị H có nợ tiền hụi, tiền vay của bà D không.

Người làm chứng chị Lê Thị Ái L, trình bày: Chị không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Chị có tham gia hụi do bà D làm chủ nhưng không có tham gia chung dây hụi với chị H. Không nhớ ngày, tháng năm, chị H có nhờ chị đi bìa hụi giùm 01 lần chỗ bà D nhưng không lĩnh hụi được do có người trả lãi cao hơn.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn D2, trình bày: Ông không có bà con hay mẫu thuẫn gì với bà D, chị H. Ông là Bí thư chi bộ ấp P B, xã P B, cũng là thành viên của Tổ hòa giải. Vào ngày 03 tháng 6 năm 2018, Ban nhân dân ấp có nhận tường trình của bà D. Ngày 09 tháng 6 năm 2018, ông có điện thoại cho chị H đến trao đổi theo tường trình của bà D, tiền vay và hụi một trăm bảy mươi mấy triệu. Chị H thừa nhận có nợ nhưng chỉ vài chục triệu và xin trả dần.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ: Trưng cầu giám định chứng cứ bà D cung cấp tại phiên



tòa là cuốn sổ mà bà D cho rằng có chữ viết của bà H; Lấy lời khai của chị O và bà Phần.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và giao dịch hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Kim D yêu cầu chị Lâm Thị Mai H trả số tiền hội 74.500.000đ và tiền vay 92.000.000đ, tổng cộng là 166.500.000đ, không yêu cầu tính lãi là có một phần căn cứ để chấp nhận, vì: Bà D đã chứng minh được việc chị H có tham gia hội do bà làm chủ, đó là những người làm chứng là thành viên cùng tham gia hội xác định chị H có tham gia hội gồm: Bà Nguyễn Thị N5, chị Bùi Thị M1, anh Nguyễn Thanh T, bà Thái Thị C, chị Nguyễn Thị Hạnh N, chị Nguyễn Thị Kim T1, bà Lê Thị Bạch T2, bà Nguyễn Thị Thúy P1, bà Nguyễn Thị Kim Q, chị Thái Thị Đ, bà Nguyễn Ngọc M, bà Lê Thị Bích D1, bà Hồ Thị Đ1 và chị Nguyễn Thị Cà N4. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc chị H tham gia hội do bà D làm chủ là có thật. Tuy nhiên, bà D không chứng minh được số tiền chị H còn nợ hội mà bà phải góp thay và số tiền vay tổng cộng là 166.500.000đ, những người làm chứng là thành viên cùng tham gia hội không ai xác định được cụ thể số tiền nợ. Theo ông Nguyễn Văn D2 là người từng nhận tường trình của bà D cũng không xác định được số tiền nợ là bao nhiêu. Tại phiên tòa, bà D trình bày không thống nhất khoản tiền vay và tiền góp hội thay so với trước đó, xác định số tiền hội 76.000.000đ, tiền vay 91.000.000đ, cộng lại là 167.000.000đ.

[3] Bà D giao nộp chứng cứ là một USB có tập tin âm thanh mà bà cho rằng là giọng nói của chị H thừa nhận số tiền vay 15.000.000đ, và tiền hội 76.000.000đ, nhưng tính tròn là 90.000.000đ. Chị H không thừa nhận giọng nói trong tập tin âm thanh mà bà D xuất trình. Bà D yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định âm thanh nêu trên. Tòa án đã triệu tập chị H 02 lần đến Tòa để tiến hành thu tập mẫu giọng nói để trưng cầu giám định nhưng chị H đều không đến và tại phiên tòa chị H cũng không chấp nhận để Tòa án tiến hành thu thập mẫu giọng nói của chị để Tòa án trưng cầu giám định theo yêu cầu của bà D.

[4] Xét thấy, tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của BLTTDS quy định: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó” và “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng

minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Theo đó, chị H phản đối giọng nói trong tập tin âm thanh mà bà D xuất trình cho rằng của chị H, thì chị phải có nghĩa vụ chứng minh giọng nói trong tập tin đó không phải là giọng nói của chị. Chị H không giao nộp chứng cứ gì chứng minh để phản đối yêu cầu của bà D, cũng không đồng ý thực hiện cung cấp mẫu ghi âm giọng nói để tiến hành trưng cầu giám định có phải là giọng nói của chị hay không. Do chị H không cung cấp và cũng không đồng ý việc ghi âm giọng nói làm mẫu so sánh để Tòa án tiến hành trưng cầu giám định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ và lời trình bày của bà D đưa ra: Giọng nói trong tập tin ghi âm là của chị H thừa nhận còn nợ tiền vay, tiền hui và đồng ý trả cho bà D số tiền 90.000.000đ. Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu của bà D.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ là không cần thiết nên không phải tạm ngừng phiên tòa, vì: Thứ nhất, đối với quyển sổ mà bà D xuất trình thì bà đã gửi bản photocopy có trong hồ sơ vụ án. Nội dung trong quyển sổ không thể hiện rõ ràng ngày viết, bà D cho rằng do chị H ghi sổ, tính sổ xong đã gạch bỏ... Tại phiên tòa, chị H cũng không đồng ý cho mẫu chữ viết để giám định nên việc giám định không thể thực hiện được và việc giám định cũng không có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án. Thứ hai, đối với việc lấy lời khai của người làm chứng: Tại phiên tòa, chị H thừa nhận chị O là em chồng của chị, còn bà Phấn là chị dâu bà con. Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Nguyễn Thị Kiều O nhưng chị cố tình không đến để Tòa án lấy lời khai và chị cũng từ chối để Tòa án lấy lời khai. Theo quy định tại khoản 3 Điều 78 BLTTDS quy định thì người làm chứng được từ chối khai báo nếu lời khai có ảnh hưởng xấu, bất lợi cho đương sự là người có quan hệ thân thích với mình. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy lời khai của chị O. Đối với bà Phấn, thì bà D không cung cấp đầy đủ họ tên, năm sinh nên Tòa án không triệu tập được. Vì vậy, không chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử lý theo quy định. Bà D phải chịu án phí phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận ( $166.500.000đ - 90.000.000đ = 76.500.000đ$ ). Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của bà H được Tòa án chấp nhận (90.000.000đ).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 78, 91, 93, 95, 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 16, 30 và 31 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của

Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Kim D.

Buộc chị Lâm Thị Mai H trả cho bà Bạch Kim D số tiền vay và tiền hụi còn nợ là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc chị Lâm Thị Mai H phải chịu 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

2.2. Bà Bạch Kim D chịu 3.825.000đ, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.162.500đ, theo biên lai thu số BH/2018/0001219 ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, được nhận lại 337.500đ (Ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/8/2020).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Nông Phú**